

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2019/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lại Thị K - Sinh năm 1989.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình C - Sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Chị K xin vắng mặt, anh C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019, bản tự khai đề ngày 01/10/2019, nguyên đơn Chị Lại Thị K trình bày:

Chị kết hôn với Anh Nguyễn Đình C năm 2015, đăng kí kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã to tiếng, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh C có tính gia trưởng, hay chấp vặt, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt. Chị xác định không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Công.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 10/7/2016. Chị K xin nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Anh Nguyễn Đình C trình bày trong bản tự khai đề ngày 02/10/2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh C trình bày phù hợp với lời khai của chị K. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, hay xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù được sự hòa giải của hai bên gia đình nhưng đến nay mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết. Trong khoảng thời gian sống ly thân hơn 01 năm nay, anh C cho rằng Chị K không còn chung thủy xuất phát từ việc anh đọc được tin nhắn với tình nhân của chị K. Từ tháng 12/2018 đến tháng 6/2019, anh chị có thời gian đoàn tụ với nhau nhưng những mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Anh C xác định không thể hàn gắn được tình cảm với Chị K nên đồng ý ly hôn chị K.

Về con chung: Anh xác nhận anh chị có 01 con chung như Chị K đã trình bày. Anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu Chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng giữa Chị K và anh C không thống nhất được vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh C giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị K. Về con chung, anh nhất trí giao con chung cho Chị K nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng Chị K tùy theo khả năng của mình. Các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân anh C không yêu cầu giải quyết.

Chị K xin giải quyết vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt đơn khởi kiện, Bản tự khai và nguyện vọng xin giải quyết vắng mặt của chị K.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” do nguyên đơn Chị Lại Thị K thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Đình C có nơi cư trú tại thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh N nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án Chị K có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị K, anh C được xác lập năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Chị K cho rằng anh C có tính gia trưởng, hay chấp vặt, không quan tâm đến vợ con. Anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn, anh đồng ý ly hôn với chị K. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K, xử cho chị K, anh C ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị K, anh C có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 10/7/2016. Chị K có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cũng mong muốn được nuôi con chung, không yêu cầu Chị K cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh C nhất trí giao con cho Chị K nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị K, anh C; xét điều kiện thực tế hiện nay cháu Minh A là con gái, còn nhỏ tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ hơn. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, nên chấp nhận nguyện vọng của anh, chị, giao con chung cho Chị K nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị K, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị K, anh C không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Chị Lại Thị K và Anh Nguyễn Đình C .

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 10/7/2016 cho Chị K nuôi dưỡng. Chị K không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị K, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị K phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001248, ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, Chị K đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND xã Y: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

Bùi Thị Ngọc Bích